

Bản án số: 38/2023/DS-ST  
Ngày: 18 - 7 - 2023  
“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Thanh Tuấn;
- Ông Lưu Văn Hoàng.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phạm Minh Cảnh - thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 199/2022/TLST- DS ngày 28/12/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-DS ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Trúc M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp N, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; (có mặt)
- Đồng bị đơn: Ông Lương Văn S, sinh năm 1972 và bà Võ Thị T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp N, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn, bà Lương Thị Trúc M trình bày, bà M có cho vợ chồng ông M và bà T mượn tiền 03 đợt bằng tổng số tiền 60.000.000 đồng cụ thể như sau:

Lần I: Vào ngày 28/4/2018 (AI) bà M cầm chiếc xe tại tiệm cầm đồ Kim Thanh P (người trực tiếp bà M cầm xe là ông P chủ Tiệm cầm đồ Kim Thanh P) với giá 20.000.000 đồng và đưa toàn bộ số tiền cho vợ chồng ông M, bà T mượn làm vốn mua bán heo.

Sau 03 tháng vợ chồng ông M, bà T trả cho bà M được 2.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 18.000.000 đồng.

Lần II: Không nhớ rõ thời gian, vợ chồng ông M, bà T tiếp mượn bà M số

tiền 20.000.000 đồng để làm vốn mua bán heo, do bà M không có tiền mặt nên cầm 01 lượng vàng tại tiệm vàng K được số tiền 20.000.000 đồng. Bà M đưa toàn bộ số tiền cho ông M, bà T vay không lãi suất. Ông M và bà T hứa vào ngày 05/5/2018 (AI) sẽ trả 20.000.000 đồng nhưng đến hạn thì ông M, bà T không trả.

Lần III: Ngày 23/4/7/2019 (AI) nhà ông M bị giông lốc hư hỏng nên hỏi mượn bà M số tiền 20.000.000 đồng để sửa chữa nhà, không tính lãi suất. Ông M và bà T hứa sau khi địa phương hỗ trợ tiền thì sẽ trả lại nhưng vẫn không trả.

Tổng số tiền cho 03 lần vay đến nay còn nợ lại là 58.000.000 đồng.

Sau nhiều lần đòi nợ, vợ chồng ông M, bà T hứa trả góp dần mỗi ngày 100.000 đồng. Vợ chồng ông M, bà T trả từ ngày 08/02/2021a đến ngày 20/4/2021a được 7.300.000 đồng thì ngưng do tình hình dịch Covid-19. Số tiền ông M, bà T còn nợ lại bà M tổng cộng các lần là 50.700.000 đồng.

Việc bà M cho ông M, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng bà M đem 01 lượng vàng 24 cầm cho Tiệm vàng K có bà Lương Thị Đ biết.

Nay, bà M yêu cầu ông M và bà T trả cho bà M 50.700.000 đồng và trả một lần dứt nợ.

+ Đồng bị đơn ông M và bà T trình bày và ý kiến:

Chúng tôi có vay tiền của bà M gồm: 15.000.000 đồng tại thời điểm bà M đi cầm chiếc xe để lấy tiền cho chúng tôi mượn, có trả lãi được 3.000.000 đồng và chưa trả vốn; kế tiếp chị Mai có hỗ trợ cho chúng tôi vay 20.000.000 đồng do nhà bị tốc mái (bị giông lốc), tổng cộng chúng tôi vay của bà M là 35.000.000 đồng. Ngoài ra không còn nợ vay bà M khoản tiền nào khác.

Tổng số tiền chúng tôi vay của bà M là 35.000.000 đồng, đã trả góp cho bà M mỗi ngày là 100.000 đồng được 07 tháng bằng số tiền là 21.000.000 đồng, còn nợ lại bà M 14.000.000 đồng.

Việc chúng tôi góp cho bà M được số tiền là 21.000.000 đồng (07 tháng mỗi ngày 100.000 đồng) thì khi chúng tôi góp có tài liệu, chứng cứ là sổ ghi tiền góp ngày 07/01/2020 tổng tiền góp cho bà M là 21.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 14.000.000 đồng, ngoài ra không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bà Lương Thị Đ trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2022 của Tòa án Tân Châu: Bà Đ là chị ruột của ông M và bà M, Bà Đ có chứng kiến bà M cho ông M mượn 20.000.000 đồng để làm vốn mua heo, khi đó Bà Đ có mượn của bà M 10.000.000 đồng tại trại nuôi heo nhà ông M, Bà Đ chứng kiến việc bà M cầm chiếc nhẫn vàng để cho ông M mượn 20.000.000 đồng, về ngày tháng, năm nào và ông M có trả cho bà M chưa thì Bà Đ không nhớ và không biết.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên yêu cầu và quan điểm, ông M, bà T giữ nguyên quan điểm trình bày.

Bà Lương Thị Trúc M, ông Lương Văn S và bà Võ Thị T xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

- Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ: Bản photo biên bản xác minh việc ông M và bà T nợ tiền bà M của Ban nhân dân ấp N ngày 09/12/2021; Biên

bản đối chiếu nợ giữa 02 hộ dân ngày 11/01/2022 tại Văn phòng ấp N, Biên bản đối chất ngày 29/3/2023; biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/02/2023; biên bản ghi lời khai ngày 18/01/2023; biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/02/2023, biên bản xác minh ngày 10/5/2023; biên bản hòa giải ngày 28/4/2023, bản phô tô sổ quản lý dịch vụ cầm đồ đối với bà Lương Thị Trúc M.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án; việc hợp đồng vay nợ là có xảy ra thực tế, Vợ chồng ông M bà T thừa nhận có vay của bà M 35.000.000 đồng, ngoài ra bà M trình bày cầm vàng cho vợ chồng ông M, bà T vay 20.000.000 đồng có Bà Đ chứng kiến là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc vợ chồng ông M, bà T trả cho bà M 50.700.000 đồng.

Vợ chồng ông M, bà M phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Lương Thị Trúc M, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp N, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết.

Vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa bà Lương Thị Tuyết Mai với ông Lương Văn S và bà Võ Thị T là có xảy ra trên thực tế, trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận được pháp luật xem xét và bảo vệ.

[2] Về nội dung:

- Bà Lương Thị Trúc M trình bày: Vào ngày 28/4/2018 (A1) bà M có cầm chiếc xe tại tiệm cầm đồ Kim Thanh P để cho vợ chồng ông M, bà T vay 20.000.000 đồng. Sau 03 tháng vợ chồng ông M, bà T trả cho bà M được 2.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 18.000.000 đồng. Lần 2: Không nhớ rõ thời

gian, do bà M không có tiền mặt nên bà M cầm 01 lượng vàng tại tiệm vàng K và bà M cho vợ chồng ông M, bà T vay 20.000.000 đồng, vay không lãi suất. Ông M và bà T hứa vào ngày 05/5/2018 (Al) sẽ trả 20.000.000 đồng nhưng ông M, bà T không trả. Lần 3: Ngày 23-24/7/2019 (Al) do nhà ông M bị giông lốc hư hỏng nên hỏi mượn bà M số tiền 20.000.000 đồng để sửa chữa nhà, không tính lãi suất. Ông M và bà T hứa sau khi địa phương hỗ trợ tiền thì sẽ trả lại nhưng vẫn không trả.

Tổng số tiền cho 03 lần vay (sau khi trừ vốn đã trả 2.000.000 đồng) nói trên còn nợ lại là 58.000.000 đồng.

Sau nhiều lần đòi nợ, vợ chồng ông M, bà T hứa trả góp dần bằng hình thức trả góp mỗi ngày 100.000 đồng. Vợ chồng ông M, bà T trả từ ngày 08/02/2021 đến ngày 20/4/2021 được 7.300.000 đồng thì ngưng do tình hình dịch Covid-19. Số tiền ông M, bà T còn nợ lại bà M tổng cộng các lần là 50.700.000 đồng.

Việc bà M cho ông M, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng bà M đem 01 lượng vàng 24 cầm cho Tiệm vàng K có bà Lương Thị Đ biết.

Tổng số tiền ông M, bà T trả cho bà M của các lần vay trên được là 9.300.000 đồng và còn nợ lại bà M số tiền vốn 50.700.000 đồng.

+ Đồng bị đơn ông M và bà T trình bày: Thừa nhận có vay tiền của bà M gồm: 15.000.000 đồng tại thời điểm bà M đi cầm chiếc xe và có trả lãi được 3.000.000 đồng và chưa trả vốn; kế tiếp bà M có hỗ trợ cho vợ chồng ông vay 20.000.000 đồng do nhà bị tốc mái (bị giông lốc), tổng cộng chúng tôi vay của bà M là 35.000.000 đồng. Ngoài ra không còn nợ vay bà M khoản tiền nào khác.

Tổng số tiền ông M, bà T vay của bà M là 35.000.000 đồng, đã trả góp cho bà M mỗi ngày là 100.000 đồng được 07 tháng bằng số tiền là 21.000.000 đồng, còn nợ lại bà M 14.000.000 đồng.

Xét trình bày đôi bên cho thấy: Ông M bà T chỉ thừa nhận vay của bà M 35.000.000 đồng, cụ thể ngày 28/4/2018 cầm chiếc xe VISION vay 15.000.000 đồng. Tại phần 3, các ý kiến trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 11/01/2022 tại Văn phòng ấp N, xã T, vợ chồng ông Lương Văn S và bà Võ Thị T đã trình bày và thừa nhận: “chúng tôi chỉ chấp nhận có mượn chiếc xe gắn máy Hon da hiệu VISION đi cầm tại tiệm cầm đồ Kim Thanh P với 20.000.000 đồng để làm vốn mua heo”

Như vậy, đã có chứng cứ chứng minh đợt vay ngày ngày 28/4/2018 (Al) vợ chồng ông M, bà T vay của bà M 20.000.000 đồng.

Đợt vay ngày 05/5/2018 (Al) do bị giông lốc, ông M, bà T Thừa nhận có vay của bà M 20.000.000 đồng

Đối với 20.000.000 đồng bà M cho ông M, bà T vay nhưng không nhớ ngày, tháng tiền vay từ việc bà M cầm cố vàng có Bà Đ chứng kiến. Người làm chứng Bà Đ cũng khẳng định bà chứng kiến ông M và bà T nhận tiền của bà M. Bà M yêu cầu ông M với bà T trả 20.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy đã có đủ chứng cứ kết luận ông M, bà T vay của bà M 03 đợt là 60.000.000 đồng. Bà M thừa nhận vợ chồng ông M, bà T có trả nhiều đợt cho bà M được 9.300.000 đồng tiền vốn trừ cho 60.000.000 đồng, vợ chồng ông M, bà T còn nợ lại bà M 50.700.000 đồng. Như vậy vợ chồng ông M và bà T hoàn toàn có lỗi, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm thiệt hại quyền lợi ích hợp pháp của bà M. Bà M yêu cầu vợ chồng ông M, bà T phải có trách nhiệm trả cho bà M 50.700.000 đồng là hoàn toàn hợp lý được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà M không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vợ chồng ông M, bà T cho rằng có trả góp cho bà M nhiều lần được 21.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông M, bà T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không cơ sở chấp nhận.

Việc thanh toán nợ cụ thể thế nào Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong bản án này mà khi án có hiệu lực pháp luật sẽ do cơ quan Thi hành án xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Lương Văn S và bà Võ Thị T có lỗi với bà M, nên ông M và bà T phải chịu 2.535.000 đồng (hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho bà Lương Thị Trúc M 1.267.500 (một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số TU/2022/0007264 ngày 23/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xôû:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Trúc M.

- Buộc ông Lương Văn S và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lương Thị Trúc M tiền vay 50.700.000 đồng (năm mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Văn S và bà Võ Thị T phải chịu 2.535.000 đồng (hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho bà Lương Thị Trúc M 1.267.500 (một triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số TU/2022/0007264 ngày 23/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,*

*hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu tòa xử phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA

**Ngô Thế Minh**